

# Sử dụng giáo cụ trực quan nhằm gây hứng thú trong các giờ học kỹ năng nói

Nguyễn Minh Huệ\*

\*Khoa Tiếng Anh, Trường ĐHNN-DHQGHN

Received: 6/12/2023; Accepted: 16/12/2023; Published: 5/01/2024

**Abstract:** For many years of teaching English to non-linguistic subjects, the less enthusiastic participation of students in speaking lessons is one of the many worries of teachers. It seems difficult and time-consuming to start a conversation, and many students don't try hard enough so they can easily stop and do something else. In general, non-majors are often not interested enough in speaking practice, partly due to lack of ideas and motivation, partly due to lack of confidence in their speaking ability. The research was conducted with the aim of increasing learners' participation in speaking lessons thanks to the use of visual aids that contribute to increasing their interest.

**Keywords:** Use, visual teaching aids

## 1. Đặt vấn đề

Trong nhiều năm giảng dạy tiếng Anh cho các đối tượng không chuyên ngữ, sự tham gia kém nhiệt tình của sinh viên trong các giờ học nói là một trong nhiều lo lắng của người dạy học. Có vẻ như họ rất khó và mất thời gian để bắt đầu một hội thoại, và nhiều sinh viên không đủ kiên trì cố gắng nên có thể dễ dàng dừng lại và chuyển làm việc khác. Nhìn chung, sinh viên không chuyên thường không đủ hứng thú thực hành nói, một phần do thiếu ý tưởng và động cơ, một phần do không tự tin về năng lực nói của mình. Nghiên cứu được thực hiện với mục đích nâng cao sự tham gia của người học qua các giờ học nói nhờ vào việc sử dụng các giáo cụ trực quan góp phần nào làm tăng hứng thú của họ.

## 2. Nội dung và nghiên cứu

### 2.1. Định nghĩa về giáo cụ trực quan và vai trò của chúng

Theo Wingard (2000), các công cụ có tác dụng hỗ trợ giảng dạy và nhìn thấy được gọi là giáo cụ trực quan, chúng cung cấp những giải pháp thực tế cho người giáo viên dạy ngôn ngữ mà công cụ chính của họ là sách vở và lớp học. Giáo cụ trực quan thường bao gồm bảng đen, tranh ảnh và các đồ vật thực tế làm cho quá trình giảng dạy dễ dàng hơn. Chúng là tất cả các thứ hữu hình đối với người học mà người dạy có thể sử dụng với các mục đích khác nhau trong lớp, ở các giai đoạn bài học khác nhau và đa dạng về hình thức, tương đối rõ để tạo ra, dễ tìm kiếm và mang lại hiệu quả trong lớp học. Có thể nói, bảng đen là công cụ truyền thống gắn liền với người dạy từ

xưa và là công cụ rất thiết yếu. Bất cứ điều gì cần thu hút sự chú ý của người học, như các cụm từ khó, các mẫu câu quan trọng, câu hỏi đọc hiểu... người dạy đều có thể viết lên bảng, và đó là phương tiện hình ảnh quan trọng. Ngoài ra, tranh ảnh có thể bao gồm tranh trong sách học (thường có ở các sách học cho người học mới bắt đầu) và tranh trong lớp (thường chia thành các thẻ tranh hay tranh trên tường). Các phương tiện này rất hữu ích trong thực hành nói, hỏi và trả lời câu hỏi thực hành mẫu câu. Nói chung, tranh ảnh hiệu quả trong việc diễn tả các thông điệp không thể diễn tả bằng từ ngữ. Cuối cùng cần kể đến là các đồ vật thực tế mà người dạy có thể mang tới lớp học giúp bài giảng sinh động, dễ hiểu hơn.

Giáo cụ trực quan đóng vai trò quan trọng trong các dự án giảng dạy và được coi là phương tiện hỗ trợ quá trình giảng dạy. Chúng góp phần làm thuận lợi việc hiểu ngôn ngữ vì cảm nhận của người học về ngôn ngữ và khả năng tạo ra mối quan hệ giữa các từ của họ được cải thiện nhờ vào các giáo cụ trực quan. Chúng được sử dụng để tạo ra các tình huống làm cho nghĩa của một từ hay một cấu trúc rõ hơn và để thực hành trong các ngữ cảnh có ý nghĩa.

Giáo cụ trực quan còn là công cụ tốt cho các mục đích kiểm tra đánh giá vì chúng dẫn dắt người học tới việc bộc lộ ngôn ngữ từ kiến thức và kinh nghiệm của họ. Trong các tình huống thi, tranh ảnh được sử dụng để đánh giá xem sinh viên có hiểu về cấu trúc của ngôn ngữ đích hay không vì tranh ảnh cho phép các lựa chọn, phản hồi đa dạng mẫu câu và phạm vi. Sinh viên có thể nhìn thấy ý nghĩa tức thời qua việc

nhận diện từ vựng nếu tranh ảnh thể hiện ngôn ngữ thứ nhất của họ.

Không những vậy, giáo cụ trực quan có thể làm cho một tác vụ hoặc tình huống có thật hơn. Tranh ảnh giúp người kiểm tra và người dạy học xác định và xử lý các cấu trúc, từ vựng, tình huống, chức năng và kỹ năng ngôn ngữ, cho phép người học tập trung vào toàn bộ hay một phần của tranh và mang lại nhiều lựa chọn khiến người dạy có thể kiểm tra các phản hồi hay mẫu câu mang tính điển giải. Giáo cụ trực quan còn tạo điều kiện cho việc sơ đồ hóa và định hướng nhận thức tốt hơn.

Giáo cụ trực quan không chỉ là phương tiện hỗ trợ mà còn là phương tiện làm tăng hứng thú trong việc học ngôn ngữ. Sử dụng giáo cụ trực quan giúp sinh viên phán đoán thông tin, suy luận thông tin, phân tích và diễn dịch. Khi được sử dụng trong tình huống kiểm tra hay dạy học thì chúng làm tăng sự rõ ràng và tạo nghĩa cho thông điệp được truyền tải. Giáo cụ trực quan góp phần tạo ra một liên kết chắc chắn giữa ngữ liệu được học và việc áp dụng thực tế các kiến thức đó vào bài kiểm tra theo Canning (1998). Sử dụng giáo cụ trực quan giúp sinh viên có những suy nghĩ trừu tượng cũng như khả năng phân biệt các ý tưởng và thể hiện ý tưởng với độ chính xác cao hơn. Các tranh ảnh và đồ vật thực tế khác nhau giúp người học có những phản hồi đa dạng đối với một nhiệm vụ, khơi dậy tính nhạy cảm phức hợp trong mỗi người học.

Như vậy, tranh ảnh và đồ vật thực tế cho phép họ diễn giải chi tiết hơn so với các gợi ý bằng lời hay từ ngữ. Việc sử dụng giáo cụ trực quan giúp làm tăng các cơ hội cho người học cải thiện và phát triển các năng lực ngôn ngữ, có ảnh hưởng tích cực đến các chiến lược học tập và năng lực viết của người học tiếng Anh không chuyên.

## 2.2. Sơ lược về dạy nói

Trước hết, về dạy nói, theo Hubbard et al (1983) và Nunan (1991) các kỹ năng nói là quan trọng nhất trong dạy và học ngôn ngữ và chinh phục nghệ thuật nói là một trong các mặt quan trọng của việc học một ngoại ngữ. Chúng ta mong muốn người học sử dụng được tất cả hay bất kì hiện tượng ngôn ngữ nào để thực hiện một nhiệm vụ nói nào đó. Điều quan trọng là có một nhiệm vụ cần hoàn thành và người học muốn hoàn thành nó. Do vậy, người học càng được hứng thú thì họ sẽ tham gia tích cực hơn.

Có các lí do tại sao nên giao cho người học các

nhiệm vụ nói đủ khuyến khích họ sử dụng ngôn ngữ. Một là để lặp lại cho thuần thục, khi sinh viên có các thảo luận và hội thoại tự do trong lớp học thì họ có cơ hội lặp lại các cuộc đó ngoài lớp học, và nếu được thực hành kĩ trên lớp thì trong thực tế sẽ thể hiện ngôn ngữ hiệu quả hơn.

Hai là để phản hồi, việc tham gia vào một nhiệm vụ nói có yêu cầu sử dụng ngôn ngữ cũng mang lại những phản hồi nhất định đối với người dạy và người học.

Lí do thứ ba là để cam kết, hoàn thành một nhiệm vụ nói có thể rất hứng thú và tạo ra sự hài lòng cao. Nhiều tác vụ nói như đóng vai, thảo luận, tranh luận, giải quyết vấn đề có thể rất hiệu quả xét về động cơ bên trong nếu được lên kế hoạch cẩn thận và hoàn thành tốt, góp phần làm tăng lòng tự trọng của người học.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy sinh viên không tham gia vào các hoạt động nói nhiều như mong muốn. Ur (1996) chỉ ra bốn nguyên nhân, đó là sinh viên không có cơ hội nói, chủ đề không đủ hấp dẫn, sinh viên không đủ tự tin vì lo mắc lỗi, sợ đánh giá và mất thể diện kèm với việc họ không có đủ ý tưởng để nói về chủ đề.

Davies (2000) đưa ra lời giải thích cho các nguyên nhân đó là sinh viên có thể không hiểu việc cần làm, hướng dẫn của giáo viên chưa đủ rõ ràng, và sinh viên có thể thiếu cấu trúc và từ vựng cần thiết để diễn đạt ý kiến và cũng có thể họ không được tạo hứng thú đủ lớn để tham gia.

Như vậy, cả Ur và Davies đều trùng nhau quan điểm cho rằng thách thức lớn chính là sự thiếu ý tưởng, vậy nên các giáo cụ trực quan có thể hữu ích hơn đối với người học hay không?

## 2.3. Gợi ý sử dụng giáo cụ trực quan trong dạy nói

Thực sự có nhiều nhân tố ảnh hưởng tới sự tham gia nói trong lớp học của sinh viên, kể đến là năng lực và thái độ của họ đối với một nhiệm vụ, một điều kiện, một tài liệu, một chương trình hay một phương pháp giảng dạy nào đó. Trong đó, một số yếu tố có thể điều chỉnh bởi giáo viên để hiệu quả hơn. Xét đến tài liệu và phương pháp giảng dạy, việc sử dụng giáo cụ trực quan giúp sinh viên có thêm ý tưởng về chủ đề và từ đó dễ dàng tham gia vào quá trình thực hành nói suôn sẻ hơn.

Ban đầu, sử dụng giáo cụ trực quan trong dạy nói để giới thiệu chủ đề nói cho sinh viên bằng cách thu hút sự chú ý của họ về chủ đề. Hubbard et al (1983:111) cho rằng giáo cụ trực quan giới thiệu chủ

đề cho sinh viên theo một cách hấp dẫn và thú vị hơn vì chúng nhìn thấy được, có tính gợi mở, màu mè và giàu tưởng tượng. Trong khi dạy kỹ năng nói, giáo viên khuyến khích sử dụng giáo cụ trực quan để hướng sinh viên về chủ đề mà họ sắp nói tới và tổ chức các hoạt động dựa trên giáo cụ đó để thảo luận những câu hỏi được đưa ra. Với sự trợ giúp của giáo cụ trực quan, chủ đề nói được đề xuất đủ sức cuốn hút cho sinh viên tự tin trao đổi ý kiến và từ đó các ý tưởng được làm phong phú thêm, giúp họ thuận lợi tham gia vào các hoạt động tương tác ở giai đoạn thứ hai.

Như vậy, giáo cụ trực quan cung cấp ý tưởng cho sinh viên qua việc yêu cầu họ thể hiện những thứ họ đã biết và những thứ họ muốn biết về một chủ đề nhất định. Theo Kang (2000), tranh ảnh rất hiệu quả trong việc gợi mở, giải thích những thông tin mang tính tương tác bởi vì chúng làm rõ những khái niệm phức tạp ở một sự thể hiện đơn giản, nhiều ý nghĩa.

Cuối cùng, những thứ chúng ta nhìn thấy có tầm quan trọng to lớn tới việc tác động và cung cấp thông tin. Vì vậy, giáo cụ trực quan là lí do tốt để tạo động cơ cho sinh viên tương tác sử dụng ngôn ngữ đang học bởi vì họ hình dung rõ ràng hơn ngôn ngữ cần dùng qua các biểu đạt có ý nghĩa và tạo hứng thú cho họ sử dụng ngôn ngữ theo nhiều cách khác nhau.

Tuy nhiên, để sử dụng giáo cụ trực quan trong các giờ học nói có hiệu quả, giáo viên cần lưu ý tranh ảnh đủ rõ ràng, màu sắc, hấp dẫn, có ý nghĩa để thu hút sự chú ý của người học. Chúng cũng cần có nội dung liên quan tới bài học và sinh viên tự cảm thấy tầm quan trọng và độ hữu ích của các giáo cụ đó đối với họ.

Bên cạnh đó, giáo viên cần cẩn thận trong việc chọn lựa giáo cụ trực quan cho phù hợp, vì chúng sẽ không tạo ra một kết quả học tập mong muốn nếu không được hỗ trợ bởi các hoạt động tương thích, đúng với năng lực, sở thích, cách học của người học và mục tiêu bài học.

Cách thức sử dụng giáo cụ trực quan đóng vai trò quan trọng giúp khai thác tối đa công dụng của chúng trong việc làm tăng cường sự tham gia và tăng động cơ đối với sinh viên. Giáo viên nên đa dạng hóa để tạo ra không khí lớp học vui vẻ, tạo cơ hội cho sinh viên thực hành. Khi tổ chức các hoạt động dựa trên giáo cụ trực quan theo cặp hay nhóm, giáo viên cần tạo các nhóm khác nhau để tránh sự nhàm chán nếu sinh viên làm việc cùng nhau trong một khoảng

thời gian.

Hơn nữa, sử dụng các cách khác nhau để chia nhóm cũng hiệu quả trong việc cải thiện không khí lớp học và khuyến khích các sinh viên lười nhác đổi chỗ ngồi hơn là chỉ yêu cầu họ đứng lên và đi tìm một đối tác.

Như vậy, để bắt đầu một hoạt động có giáo cụ trực quan hỗ trợ, giáo viên cần đưa ra hướng dẫn rõ ràng và đảm bảo sinh viên hiểu yêu cầu của hoạt động. Giáo viên cần sử dụng ngôn ngữ đơn giản khi đưa ra hướng dẫn và các hướng dẫn cho các hoạt động giống nhau cần nhất quán. Giáo viên cũng cần kiểm tra lại để khẳng định sinh viên hiểu nhiệm vụ của họ hay không bằng cách đặt các câu hỏi sau khi đã hướng dẫn xong.

### 3. Kết Luận

Nghiên cứu đã trình bày sơ lược về giáo cụ trực quan, kỹ năng nói và cách thức sử dụng giáo cụ trực quan trong dạy nói sao cho hiệu quả nhất đối với người dạy và mang lại hứng thú cao nhất đối với người học. Thực sự, đối với bất kì hoạt động nào có hỗ trợ của giáo cụ trực quan, giáo viên cần chuẩn bị kĩ lưỡng từ việc chọn lựa tranh ảnh, thiết kế hoạt động phù hợp, đưa ra hướng dẫn rõ ràng và đảm bảo các yếu tố người học đủ hứng thú tham gia có tính đến năng lực, sở thích... mới có thể khẳng định được thành công của hoạt động, giúp sinh viên thực hành được ngôn ngữ mong muốn và có khả năng áp dụng vào các tình huống đời thường.

### Tài liệu tham khảo

1. Brown, G and Yule, G. (1983). *Teaching the Spoken Language*. CUP.
2. Burkart, G.S. (1998). *Spoken Language: What it is and how to teach it*. Washington, DC: Center for Applied Linguistics, 1998. Retrieved from [www.nclrc.org](http://www.nclrc.org).
3. Canning, C. (1998). *Visual Perception and Language Learning*. TESOL Arabia News, 6:1, November 1998, pp.8-9
4. Harmer, J. (2001). *The Practice of English Language Teaching* (3<sup>rd</sup> ed). Essex: Longman.
5. Nunan, D. (1989). *Designing Tasks for the Communicative Classroom*. Cambridge: CUP.
6. Smith, K.A. (1986). 'Cooperative Learning Groups.' In S. F. Schmoberg (ed.), *Strategies for Active Teaching and Learning in University Classrooms*. Minneapolis : Office of Educational Development Programs, University of Minnesota.